

Học thuyết giá trị lao động: một số vấn đề cần quan tâm

Nguyễn Anh Tuấn¹

¹ Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.
Email: nguyenanhtuan1962@yahoo.com.vn

Nhận ngày 1 tháng 12 năm 2018. Chấp nhận đăng ngày 18 tháng 12 năm 2018.

Tóm tắt: Học thuyết giá trị lao động của Mác là đúng đắn. Nhưng nếu “bảo vệ” Mác một cách giáo điều thì sẽ không chỉ ra được quan điểm thực của Mác. Theo những người tiếp thu Mác không phải từ gốc, Mác có ba điểm cốt tử rằng, “chỉ có lao động là nguồn gốc duy nhất của giá trị”, “thời gian làm việc là thước đo của giá trị lao động”, và “nguồn gốc duy nhất của giá trị thặng dư là lao động sống”. Thực ra, Mác chỉ nhấn mạnh, đề cao vai trò của lao động và thời gian làm việc, chứ không hề tuyệt đối hóa chúng. Ông không ít lần nhắc tới các yếu tố khác mà ngày nay càng trở lên quan trọng không kém gì lao động. Mác không cần sự “bảo vệ” nào, mà chỉ cần được hiểu cho đúng.

Từ khóa: Lao động, hàng hóa, giá trị, giá trị thặng dư, học thuyết giá trị lao động.

Phân loại ngành: Triết học

Abstract: K.Marx's theory of labour value is correct. But if “defending” him in a dogmatic manner, one cannot point out what is authentic in his point of view. According to those who do not absorb his thought from the original version, K.Marx had three essential points that, “labour is the only source of value”, “working time is the measure of labour value”, and “the only source of surplus value is the living labour”. In fact, K.Marx only laid emphasis on and attached importance to the role of labour and working time, not absolutising them. He mentioned for quite a few times the other factors that have become more and more important today, being not less important than labour. K.Marx would not need any “defence”, just need his thought to be correctly understood.

Keywords: Labour, commodity, value, surplus value, theory of labour value.

Subject classification: Philosophy

1. Mở đầu

Như đã biết, theo học thuyết giá trị lao động của C.Mác, “giá trị của hàng hóa là do

lượng lao động cần thiết để sản xuất ra hàng hóa đó quyết định”². Học thuyết giá trị lao động là cơ sở cho học thuyết giá trị thặng dư của Mác; đến lượt mình, học thuyết giá

trị thặng dư của Mác là hạt nhân của kinh tế chính trị học mácxít, và đồng thời là luận chứng kinh tế chủ yếu cho tính tất yếu của cuộc cách mạng cộng sản chủ nghĩa. Vì thế, vấn đề xác định tính đúng đắn của học thuyết giá trị lao động của Mác có ý nghĩa nguyên tắc đối với việc thừa nhận tính đúng đắn của quan điểm mácxít nói chung và học thuyết giá trị thặng dư của Mác nói riêng. Từ khi ra đời đến nay, học thuyết giá trị lao động của Mác đã liên tục chịu sự phê phán cả từ các nhà mácxít với thiện ý muốn chỉnh sửa Mác, và từ những người phi mácxít với dụng ý chống Mác. Vậy, những phê phán đối với học thuyết giá trị lao động của Mác đúng đến đâu? Một năm trước đây, cộng đồng khoa học đã kỷ niệm 150 năm xuất bản tập 1 của bộ *Tư bản* (14/9/1867), và đầu năm nay kỷ niệm 200 năm ngày sinh của Mác (5/5/1818). Đây là thời điểm thích hợp để nhận thức lại học thuyết giá trị lao động của Ông. Bài viết này góp thêm ý kiến về một số vấn đề trong học thuyết giá trị lao động của Mác.

2. Lực lượng sản xuất

Để hiểu học thuyết giá trị lao động của Mác theo nghĩa rộng thì phải nắm được sự hình thành một số quan điểm tương ứng của ông. Việc phân tích khía cạnh biện chứng của cách hiểu duy vật về lịch sử cho thấy, ở Mác đã có sự mở rộng khái niệm lực lượng sản xuất. Nếu chỉ thoáng nhìn thì lực lượng sản xuất bao gồm sức lao động và tư liệu sản xuất, song xem xét kỹ lại cho thấy, các chức năng của lực lượng sản xuất có thể (và đã) được thực hiện bởi các yếu tố khác của xã hội, mà theo ý các nhà kinh điển chủ nghĩa Mác, gồm 4 tầng cấu trúc gắn kết với

nhau theo chức năng: nhu cầu (NC) → lực lượng sản xuất (LLSX) → quan hệ sản xuất (QHSX) → thượng tầng chính trị (TTCT) → các hình thái ý thức xã hội (HTYTXH). Nói riêng, LLSX gián tiếp bao gồm cả các quan hệ tổ chức sản xuất (ví như hợp tác), quan hệ sở hữu (khi nó phù hợp với LLSX), nhà nước (khi các chính sách của nó thúc đẩy sự phát triển LLSX), khoa học, và các nhu cầu đang nảy sinh.

Ở chương 1 tập 1 của *Tư bản*, Mác đã ghi nhận sự phụ thuộc chức năng đó. Theo Mác, đại lượng giá trị hàng hóa được xác định bởi thời gian lao động cần thiết để sản xuất ra hàng hóa. Đến lượt mình, thời gian lao động đó lại được xác định bởi năng suất lao động (tức là, sức sản xuất của lao động); năng suất lao động lại “được quyết định bởi rất nhiều tình hình, trong đó có: trình độ khéo léo trung bình của người công nhân, mức độ phát triển của khoa học và trình độ áp dụng khoa học vào quy trình công nghệ, sự kết hợp xã hội của quá trình sản xuất, quy mô và hiệu suất của tư liệu sản xuất, và các điều kiện thiên nhiên” [5, tr.69]. Từ đó, tất yếu lôgic suy ra rằng, đại lượng giá trị của một hàng hóa được quyết định không chỉ bởi thời gian lao động, mà ít ra còn bởi 5 yếu tố khác như chính Mác vừa nêu. Trong suy diễn này có thể thay cụm từ “được quyết định” bằng cụm từ “phụ thuộc vào” mà không hề làm thay đổi thực chất vấn đề.

Cũng trong chương 1 của *Tư bản*, Mác viết: “thời gian lao động này lại thay đổi theo mỗi một thay đổi trong sức sản xuất của lao động” [5, tr.68], “Như vậy là đại lượng giá trị của một hàng hóa thay đổi... tỷ lệ thuận với lượng lao động thể hiện trong hàng hóa đó và... tỷ lệ nghịch với sức sản xuất của lao động đó” [5, tr.69].

Áp vào hàng hóa cá biệt, điều đó là đúng, nghĩa là, đại lượng giá trị của nó giảm khi năng suất lao động tăng lên. Nhưng, liệu có đúng rằng giá trị (tổng thể) giảm “tỷ lệ nghịch với sức sản xuất của lao động” không, nói cách khác, điều này còn đúng không khi áp vào toàn bộ số hàng hóa kiểu đó không? Tôi cho rằng, không đúng, vì năng suất lao động cao hơn phải là năng suất của lao động phức tạp, lành nghề hơn so với lao động giản đơn. Do vậy, cùng với sự gia tăng năng suất lao động thì cũng tăng thêm số lượng hàng hóa được sản xuất trong cùng thời gian lao động, và mặc dù giá trị của từng đơn vị hàng hóa riêng biệt giảm đi tương ứng, nhưng lại gia tăng tổng giá trị của toàn bộ hàng hóa được sản xuất ra. Tổng giá trị của toàn bộ hàng hóa là không đổi.

3. Sức lao động

Trong *Tư bản*, Mác đã viết về tính chất lịch sử của sức lao động, tức là của cả nhu cầu về nhân công. Giá trị của sức lao động có ảnh hưởng tới giá trị được tạo ra hay không? Rõ ràng là có nếu tạm gác lại việc sử dụng sức lao động rẻ hơn ở các nước tư bản kém phát triển, lạc hậu hơn (nhưng đây lại là kiểu vấn đề khác). Nếu như có, thì có nghĩa là, cả nhu cầu cũng ảnh hưởng đến đại lượng giá trị. Thực tế, chính Mác đã nói thẳng về nhu cầu như là LLSX. Ông viết: “Năng lực tiêu dùng... là sự phát triển của một tư chất cá nhân nào đó của một sức sản xuất nào đó” [7, tr.382]. Nhu cầu là yếu tố thứ 6 chưa có ở 5 yếu tố nêu trên.

Cuộc tranh cãi nổi tiếng về mâu thuẫn ảo giữa tập 1 và tập 3 của *Tư bản* (trao đổi diễn ra phù hợp với quy luật giá trị hay với

phí tổn sản xuất)³ đã thôi thúc Ăngghen viết thêm “Bổ sung tập 3 của *Tư bản*” (chưa hoàn tất). Ở đây ông viết rằng, quy luật giá trị đã tác động suốt chiều dài bảy nghìn năm phát triển của sản xuất hàng hóa giản đơn như là tiền đề (cả lịch sử và lôgic) của sản xuất hàng hóa tư bản chủ nghĩa. Nhưng chính vì trong kỷ nguyên đó, tư liệu sản xuất, khoa học như là sức sản xuất, tính chất hợp tác của lao động và chính các nhu cầu xã hội phát triển còn rất yếu, và vì thế, có thể gác lại phần của chúng trong giá trị hàng hóa mà chỉ tính đến lao động trực tiếp bỏ vào quá trình sản xuất và trao đổi hàng hóa. Vậy là, đã lộ rõ trong trường hợp này sự nhất quán trong các quan điểm của A.Xmit, Mác và Ăngghen về tính chất lịch sử của quy luật giá trị.

4. Lao động sống

Nếu sức lao động chưa phải là toàn bộ LLSX, thì tại sao chỉ lao động sống mới tạo ra giá trị? Trước nay, chúng ta biết, Mác dường như chỉ khẳng định thế thôi; theo đó, lao động sống là nguồn gốc của mọi của cải. Song, từ kinh nghiệm, ta vẫn thấy giá trị còn được tạo ra từ những nguồn khác nữa. Chủ nghĩa Mác giáo điều bác bỏ kinh nghiệm bề ngoài đó và những luận cứ củng cố chúng khá đơn giản.

Mác dựa trên học thuyết giá trị lao động của A.Xmit và Ricácđô, nhưng chính hai vị này cũng không nhất quán trong học thuyết này; và bản thân đã Mác phê phán họ, nhất là A. Xmit, về việc họ có khi xa rời học thuyết mang tính nguyên tắc này (điều đó chúng tôi Mác rất trung thành với nó). Còn việc tất cả các nhà kinh tế học phi mácxít

sau đó đều không đồng ý với học thuyết giá trị lao động (không thừa nhận lao động sống là nguồn duy nhất của của cải), việc đó được giải thích là vì, tất cả họ đều là các tư tưởng gia của giai cấp tư sản. Vậy quan điểm thực của Mác là như thế nào?

Tác phẩm kinh tế học đầu tiên *Lược thảo phê phán khoa kinh tế chính trị* do Ăngghen viết đã được Mác trong *Tư bản* gọi là công trình thiên tài. Cho nên, hẳn là, Mác tán thành việc trong tác phẩm này Ăngghen không đứng trên quan điểm học thuyết giá trị lao động. Ông viết: “Giá trị một vật phẩm bao hàm hai nhân tố... Giá trị là quan hệ giữa chi phí sản xuất với tính công dụng” [1, tr.759]. Tức là, ông thừa nhận ngoài lao động sống, còn ít nhất một yếu tố nữa, yếu tố tính công dụng, cũng tạo thành giá trị. Người giáo điều bảo vệ Mác một cách mù quáng (bảo vệ luận điểm về nguồn gốc duy nhất) bằng 2 lý do: tác phẩm đó được viết ở thời kỳ hình thành chủ nghĩa Mác (quan điểm của Mác chưa định hình xong hẳn), và trong tác phẩm thiên tài không phải mọi điểm đều nhất thiết phải thiên tài, có thể vẫn còn có gì đó sai.

Trong tác phẩm *Phê phán cương lĩnh Gôta* (1872 - đây không thể coi là thời điểm quan điểm của Mác chưa chín muồi nữa), Mác phản đối luận điểm “lao động là nguồn gốc của mọi của cải” của Dự thảo Cương lĩnh. Thoạt nghe sự phản đối của ông thật lạ lùng, bởi như thế có nghĩa Mác đồng ý: lao động không phải là nguồn gốc (duy nhất) của mọi của cải, mà ở cùng mức độ đó, *tự nhiên* cũng là nguồn gốc của giá trị sử dụng. Điều này được Mác trước đó vài năm đã nói thẳng trong *Tư bản*: “Như vậy, lao động không phải là nguồn duy nhất của những giá trị sử dụng do nó sản xuất ra, không phải là nguồn duy nhất của của cải

vật chất. Như Uy-li-am Pet-ti nói, lao động là cha của của cải, còn đất là mẹ của nó” [5, tr.74], “để gán cho lao động *cái sức sáng tạo siêu tự nhiên đó*” [4, tr.27]. Điều này cũng được người giáo điều “sửa chữa” khá đơn giản: tự nhiên là nguồn gốc của giá trị sử dụng, chứ không phải của giá trị, là cái vốn chỉ là sự kết tinh lao động xã hội sống cần thiết.

5. Giá trị sử dụng và giá trị

Tất cả những kinh nghiệm kiểu như trên và những hoài nghi nảy sinh từ chúng về tính đúng đắn của học thuyết giá trị lao động đều dễ dàng bị xóa tan từ chính lập trường của học thuyết mácxít giáo điều. Việc phân tích sự luận chứng cho học thuyết giá trị lao động cũng là một cách kiểm tra khác về tính chân thực của học thuyết này. Sự luận chứng lôgic rõ nhất cho học thuyết này được Mác thực hiện trong chương 1, tập 1 *Tư bản*, ở 2 tiết đầu: “Hai nhân tố của hàng hóa: giá trị sử dụng và giá trị (thực thể của giá trị, đại lượng của giá trị)” và “Tính chất hai mặt của lao động biểu hiện trong hàng hóa” [5, tr.61-80].

Trong chương này, theo chúng tôi, đã để xảy ra một sự thiếu chính xác (sai lầm) lôgic, từ đó dẫn đến tính phiến diện nhất định trong toàn bộ sự phát triển khoa học chặt chẽ tiếp theo của lý luận kinh tế. Ở đây, Mác rút bản chất của giá trị như là sự kết tinh của lao động xã hội cần thiết chủ yếu bằng con đường diễn dịch khi khảo sát khá tư biện sự trao đổi các (hai) hàng hóa. Trong đó, hầu như ông không sử dụng các dữ liệu thống kê, thực nghiệm cụ thể nào cả. Sự phân tích các dữ kiện thực nghiệm bị thay thế bằng “năng lực trừu tượng hóa”. Vì

thể mà cả sự kiểm tra tính đúng đắn của diễn dịch đó cũng có thể bằng cách logic, diễn dịch.

Trước hết, cần chính xác hóa thêm luận đề: giá trị chỉ là cái điều tiết sự trao đổi hay còn là thước đo sự giàu có? Liệu nó có thể là thước đo sự giàu có không?

Mác bắt đầu phân tích hàng hóa từ việc khảo sát hai nhân tố, hai mặt của nó trong quá trình trao đổi. Trong quá trình hai hàng hóa trao đổi với nhau, chúng cân bằng nhau. Suy ra, trong chúng có gì đó chung. Cái chung đó, theo Mác, không thể là giá trị sử dụng. Chỉ có thể còn lại một điểm chung: cả hai hàng hóa đều là sản phẩm lao động. Trong lập luận này của Mác, theo chúng tôi, đã có một sự thiếu chính xác khá căn bản. Mác viết: “Cái chung ấy không thể là những thuộc tính hình học, vật lý, hóa học, hay những thuộc tính tự nhiên nào khác của hàng hóa”. Rõ ràng là, các thuộc tính này *tự thân* không là (không thể là) cái chung gắn kết hai hàng hóa trao đổi với nhau. Nhưng các thuộc tính khách quan của hàng hóa *trong quan hệ của chúng với các nhu cầu* của con người lại chính là *các giá trị sử dụng*, và đó cũng là sự tham gia của hai sản phẩm lao động vào sự trao đổi với nhau, là điều Mác đã nói đến không ít lần. Suy ra, cái chung cần tìm còn là các giá trị sử dụng của hai hàng hóa, mà mỗi một trong số chúng đều có khả năng thỏa mãn phần nào đó các nhu cầu tổng thể của con người.

Mác viết tiếp: “Các thuộc tính vật thể của hàng hóa nói chung cũng chỉ được xét đến trong chừng mực chúng làm cho các hàng hóa đó trở nên có ích, tức là trong chừng mực làm cho hàng hóa biến thành những giá trị sử dụng. Nhưng mặt khác, nét

đặc trưng của quan hệ trao đổi hàng hóa chính lại là việc phải gạt giá trị sử dụng của hàng hóa ra một bên”. Nếu lập luận trên của chúng tôi là đúng, thì quan hệ trao đổi của các hàng hóa được đặc trưng không phải bởi sự gác lại các giá trị sử dụng của chúng, mà ngược lại, đòi hỏi phải có các giá trị sử dụng, tính hữu ích của các hàng hóa được mang ra trao đổi. Những giá trị trao đổi các hàng hóa không chứa trong mình một nguyên tử giá trị sử dụng nào. Mác viết tiếp: “Nếu gạt giá trị sử dụng của vật thể hàng hóa ra một bên, thì vật thể hàng hóa chỉ còn có một thuộc tính mà thôi, cụ thể là: chúng là sản phẩm của lao động”[5, tr.65]. Đúng, nếu gác lại giá trị sử dụng thì chỉ còn lại lao động như là nguồn gốc của giá trị. Nhưng về lý thuyết, vấn đề đã bị đẩy tới nan đề. Cần phải trừu tượng hóa mãi mãi hay chỉ ở một giai đoạn nhất định của quá trình đi từ trừu tượng đến cụ thể? Chỉ ở một giai đoạn nhất định thôi, chứ không thể mãi mãi theo kiểu “xét đến cùng”.

6. Lao động trừu tượng và lao động cụ thể

Vì sao không chỉ từng thuộc tính khách quan riêng biệt của hàng hóa, mà cả tổng thể của chúng, trong đó tính hữu ích của các sản phẩm lao động được vật chất hóa, lại không có ảnh hưởng (theo học thuyết giá trị lao động) gì tới giá trị của hàng hóa? Vì sao trong chúng không thể hiện cái chung cùng có mặt ở hai hàng hóa trao đổi với nhau? Phải chăng vì đó là những giá trị sử dụng khác nhau? Nhưng cả lao động sản xuất ra các hàng hóa đó cũng khác nhau. Nếu vẫn lấy lao động làm cái chung cùng có ở các hàng hóa khác nhau được, thì tương tự thế, cũng có thể lấy các giá trị sử dụng khác

nhau làm cái chung cho các hàng hóa. Phép loại suy này có vẻ không ổn. Khi tiếp tục phân tích lao động, Mác đã làm rõ tính hai mặt của nó bằng các khái niệm lao động trừu tượng và lao động cụ thể. Cũng theo đúng logic này, Mác có thể đưa vào các khái niệm tính hữu ích trừu tượng và tính hữu ích cụ thể. Trong đó, hữu ích cụ thể thể hiện khả năng thỏa mãn nhu cầu cụ thể nào đó, còn hữu ích trừu tượng là khả năng thỏa mãn một phần của tổng thể các nhu cầu. Và lại, ở Mác đã có sẵn khái niệm hệ thống các nhu cầu.

Nếu các lập luận trước là đúng, thì giá trị được xác định không chỉ bởi lao động, mà còn bởi các nhu cầu (yếu tố đầu tiên trong ngoại diên của khái niệm sản xuất đã được mở rộng, mà không là một trong 5 yếu tố ở đoạn trích của chú thích 2), không chỉ bởi lao động sống xã hội cần thiết được kết tinh trong hàng hóa, mà còn bởi tính hữu ích của sản phẩm do lao động đó tạo ra, và xét đến cùng bởi hệ thống các nhu cầu hiện hữu; trong cái phương thức sản xuất đang được nói tới ở đây, còn bởi tổng thể các nhu cầu “có khả năng thanh toán”.

Mối tương quan giữa các nhu cầu và LLSX như là phương tiện thỏa mãn chúng cũng là tương quan cầu cung. Từ giác độ học thuyết giá trị lao động, tương quan đó không quyết định giá trị, mà chỉ làm sai lệch sự thể hiện bằng tiền của nó, tức là giá cả, với đại lượng giá trị khách quan xác định. Và nếu các lập luận trước là đúng, thì tương quan cầu tổng thể, tức là hệ thống các nhu cầu, và các phương tiện tổng thể thỏa mãn chúng, tức là LLSX hiện có, cũng ảnh hưởng tới giá trị tổng của tất cả các hàng hóa được sản xuất ra, và ở mức tối thiểu nào đó cũng ảnh hưởng tới giá trị của từng hàng hóa cá biệt (một khi mối tương quan

cầu cung đối với từng hàng hóa là một phần nhỏ của mối tương quan chung đã nêu).

Nếu lao động là nguồn gốc của giá trị, mà thời gian lao động xã hội cần thiết là thước đo của lao động, thì thời gian đó cũng là thước đo giá trị. Tiếp tục phân tích lao động với tư cách là nguồn gốc của giá trị, Mác đụng đến vấn đề mối tương quan lao động giản đơn và lao động phức tạp. Ông nói rằng, trên thực tế lao động phức tạp thường được quy về lao động giản đơn. Phải có tới gần mười lần ông nói về chuyện này, nhưng không ở đâu giải thích cơ chế của sự quy đổi này. Nhưng đây lại là vấn đề cốt lõi, không chỉ đối với nguyên tắc xã hội chủ nghĩa phân phối theo lao động, mà về lý luận, còn đối với cả học thuyết giá trị lao động nữa (học thuyết này chỉ đúng với lao động giản đơn).

Theo chúng tôi, thời gian lao động không thể là thước đo của lao động phức tạp, nói chính xác hơn, không phải là thước đo của lao động trí tuệ sáng tạo. Thước đo như thế chỉ có ý nghĩa thực tiễn (do vậy, chỉ đúng), khi phần của cải, mà Mác và Ăngghen gọi là kết quả của sản xuất tinh thần, chiếm tỷ lệ không đáng kể, rất nhỏ trong tổng sản xuất xã hội. A.Xmit và Ricácđô biết đến thực tiễn kinh tế trong sản xuất công trường thủ công và công nghiệp khi lao động chân tay, cơ bắp còn chiếm ưu thế. Trong thời kỳ đó, thời gian lao động đúng là thước đo cơ bản của giá trị. Sự phát triển tiếp theo của sản xuất xã hội đã dần làm thay đổi tình hình một cách căn bản. Trong Bản thảo đầu tiên của *Tư bản* (trong *Phê phán khoa kinh tế chính trị*, bản thảo 1857 - 1858), Mác cho rằng, trong tương lai, thước đo sự giàu có sẽ không phải là thời gian lao động, mà là thời gian nhàn rỗi. Tầm nhìn trước này của Mác không phải là ngẫu nhiên.

Sự thay đổi về chất trong tính chất của sản xuất thể hiện 3 khía cạnh mới. Một là, có sự thay đổi căn bản trong kết cấu hữu cơ của tư bản, sự gia tăng vượt bậc tỷ lệ của phương tiện sản xuất xã hội, của tư bản bất biến. Hai là, có sự thay đổi hẳn vai trò của khoa học trong sản xuất xã hội tổng thể. Mác viết: “Sự phát triển của tư bản cố định là chỉ số cho thấy tri thức xã hội phổ biến đã chuyển hóa đến mức độ nào thành lực lượng sản xuất trực tiếp, do đó nó cũng là chỉ số cho thấy những điều kiện của chính quá trình sống của xã hội đã phục tùng đến mức độ nào sự kiểm soát của trí tuệ phổ biến và được cải tạo đến mức độ nào cho phù hợp với quá trình ấy, những lực lượng sản xuất xã hội đã được tạo ra đến mức độ nào không những dưới hình thức tri thức, mà cả như những cơ quan thực hành xã hội trực tiếp” [7, tr.372-373]. Vai trò của ý thức xã hội đang thay đổi về chất càng ngày càng trở thành cơ sở của sự tồn tại và phát triển của xã hội loài người (dự báo này đã được định hình và bàn luận tới nhiều hơn trong di sản lý luận của Ăngghen). Ba là, tự động hóa và điều khiển hóa sản xuất khiến cho thời gian lao động không còn là thước đo không chỉ của tài sản vật chất, mà còn của chính giá trị (Mác đã suy tư về vai trò lịch sử của tự động hóa ở thời kỳ sản xuất công nghiệp ngay ở bản thảo đầu tiên (1857 - 1859) của *Tư bản*). Như vậy, Mác đã tiên liệu mọi việc.

Đáng tiếc, khi đang còn ở giai đoạn trừu tượng hóa đầu tiên, Mác đã không ít lần nhắc nhở rằng, cả trong xã hội tương lai, nơi sẽ thống trị nguyên tắc phân phối theo lao động, thì thước đo của lao động vẫn là thời gian làm việc. Và trên bình diện rộng hơn, Mác vẫn chưa kết thúc ý tưởng đi từ

trừu tượng đến cụ thể to lớn của mình trong quá trình phân tích phê phán phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa. Điều này liên quan không chỉ đến ý đồ trình bày “hệ thống kinh tế tư sản (trong sáu cuốn) theo thứ tự sau đây: *tư bản, sở hữu ruộng đất, lao động làm thuê, nhà nước, ngoại thương, thị trường thế giới*” [2, tr.13], nơi bộ *Tư bản* chỉ là cuốn đầu tiên, mà còn đến cả việc xây dựng chính *Tư bản*. Ở nghĩa này, khó có thể vận dụng ngay các kết quả mà Mác thu được trong công trình chính của đời ông nếu không xử lý lại các mắt khâu trung gian không chỉ đối với hiện thực hiện nay, mà còn đối với cả hiện thực kinh tế thế kỷ XIX.

7. Giá trị thặng dư

Mác xuất phát từ học thuyết giá trị lao động, cho rằng lao động sống là nguồn gốc duy nhất của giá trị, giá trị là sự kết tinh lao động xã hội cần thiết. Mác rất nhất quán dẫn dắt nguyên tắc này qua toàn bộ nghiên cứu kinh tế chính trị học của mình. Giá như ông xuất phát từ quan điểm rộng và chung hơn, thì sự giải quyết nhiều vấn đề cụ thể của kinh tế chính trị học có thể sẽ khác nhiều.

Nếu khái niệm LLSX không bị quy chỉ về sức lao động, nếu ngay ở sự tiếp xúc đầu tiên với LLSX mà đã biết coi nó là sức lao động cộng với tư liệu sản xuất (tức là lao động sống và lao động tích lũy), giá như cứ mạnh dạn coi gần như tất cả mọi yếu tố khác của toàn bộ cấu trúc xã hội là các dạng LLSX gián tiếp, thì dĩ nhiên sẽ có thể giả định tất cả chúng đều sẽ tham gia vào việc tạo ra giá trị.

Có thể gọi các lực lượng sản xuất gián tiếp này là các nhân tố góp phần tạo ra giá trị, nhưng điều đó có thể chỉ là sự đặt tên khác cho cùng hiện thực đó mà thôi. Nếu nhờ sự hỗ trợ của tác nhân, lao động tạo ra giá trị lớn hơn (chẳng hạn, 10%), thì liệu có thể nói, nó (nhân tố X) là nguồn gốc của 10% giá trị bổ sung thêm không? Thêm vào đó, sự biến đổi các chức năng, cũng như “sự đảo ngược mối phụ thuộc chức năng” ($x = f(y) \rightarrow y = f(x)$) là một tính quy luật rất phổ biến. Vì thế, không có gì lạ khi đầu tiên lao động là nguồn gốc của giá trị của lao động được tích lũy, của phương tiện sản xuất, rồi sau đó lao động được tích lũy, đến lượt mình lại trở thành nguồn gốc (đồng tác nhân tạo ra) của giá trị mới. Có không ít các giá trị như vậy (ví dụ, tiền như là phương tiện trao đổi trở thành phương tiện cất giữ của cải; ý thức vốn là sản phẩm của tồn tại, sau đó tác động ngược lại, thường mang tính quyết định đến tồn tại đã sinh ra nó...). Liệu có phải mọi lao động được tích lũy đều là nguồn gốc của giá trị? Dĩ nhiên là không phải. Vàng cất kỹ trong rương, kim cương trong chiếc nhẫn, hay các tư liệu phục vụ đời sống mà con người đang dùng, chỉ có thể trở thành nguồn gốc như vậy.

Vậy, đặc thù của sự khái quát mới về học thuyết giá trị thặng dư là gì? Chúng ta biết, Mác phê phán quan điểm của A.Xmit về ba nhân tố quyết định giá cả hàng hóa và cũng biết rõ cả học thuyết khá phổ biến sau này về vai trò của các nhân tố khác (ngoài lao động) trong việc tạo ra giá trị. Từ đó, theo Mác, phải nói chính xác và đầy đủ hơn rằng, *lao động tạo ra giá trị, nhưng lao động không phải là nguồn duy nhất của giá trị*. Những dẫn chứng nêu trên khẳng định rằng, Mác thừa nhận vai trò thứ nhất, nền tảng, then chốt, đặc biệt của lao động sống

như là nguồn gốc chủ yếu nhất của giá trị, vì thiếu nó thì tất cả các nhân tố khác đã không và không thể vận hành, nhưng không phải là nguồn gốc duy nhất. Song cũng có một thực tế rằng, Mác chỉ nhấn mạnh về thứ nhất của mệnh đề trên, mà ít nhắc tới về thứ hai. Điều đó có thể là do toàn bộ tinh lực và tình cảm của ông dành trọn để luận chứng cho sứ mệnh lịch sử của giai cấp những người lao động (công nhân, vô sản).

8. Ý nghĩa thực tiễn của học thuyết giá trị lao động

Thứ nhất, đối với phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, nếu cả lao động được tích lũy (tư bản) cũng tham gia vào việc tạo ra giá trị (chứ nó không chỉ gián đơn mang giá trị phân hao mòn vô hình của mình trong quá trình sản xuất sang hàng hóa mới được tạo ra), thì rõ ràng tồn tại “phần lợi nhuận hợp pháp” có nguồn gốc không phải từ lao động sống tự thân, từ hoạt động của sức công nhân, mà từ tư liệu sản xuất thuộc về nhà tư bản (không xét đến cùng). Nhưng về lý thuyết, rất phức tạp để xác định “phần hợp pháp” đó. Cả công nhân lẫn nhà tư bản đều không mấy quan tâm trực diện chuyện này. Công nhân thì cho rằng, toàn bộ những gì được tạo ra đều phải thuộc về những người trực tiếp sản xuất như họ. Nhà tư bản lại cho rằng, khi đã trả cho giá trị của sức lao động (trả tiền cho việc sử dụng nó trong suốt thời gian thuê mướn, tức là dưới dạng cảm tưởng như tiền lương của toàn bộ lao động), thì nhà tư bản có quyền định đoạt toàn bộ sản phẩm được sản xuất ra, trong đó có cả sản phẩm thặng dư. Nhưng việc xác định được “phần hợp pháp” đó (trên lý thuyết hay thực tiễn, “trực quan”) lại có ý

nghĩa then chốt, vì nhờ đó trong điều kiện nền kinh tế thị trường định hướng xã hội, nhà nước mới có thể thực hiện sự điều tiết hạn mức lợi nhuận. Điều tiết nhà nước, rốt cuộc, tức là điều tiết xã hội, bởi trong trường hợp này, theo Mác nhà nước thực hiện “các chức năng hợp lý” [3, tr.451] của mình; chẳng hạn, khi nhà nước xác định mức thuế trên tài sản kế thừa. Việc xác định “phần hợp pháp” này hướng đến chống lại chính sách tân tự do kinh tế mà trên thực tế chỉ kích thích sự hỗn loạn sở hữu tư nhân đã được Mác trích dẫn hơn 150 năm trước [5, tr.1056]. Sự xác định “phần hợp pháp” của lợi nhuận còn quan trọng đối với các nền kinh tế chuyển đổi (kinh tế của thời kỳ quá độ sang hình thái xã hội mới).

Liệu cách lý giải nêu trên về quy luật giá trị thặng dư có xóa nhòa hiện tượng bóc lột, tức là sự tước đoạt bất hợp pháp lao động của người khác? Hoàn toàn không. Ngay ở *Bản thảo kinh tế - triết học 1844*, Mác đã làm rõ sự tha hóa tư liệu sản xuất khỏi người sản xuất. Vị thế của công nhân và nhà tư bản, của người sản xuất và kẻ sở hữu tư liệu sản xuất xã hội là không như nhau, “bất đối xứng”. Người sản xuất vì duy trì sự sống của mình chỉ bằng cách bán sức lao động, nên không thể tồn tại mà không sử dụng các tư liệu sản xuất không thuộc về anh ta. Còn kẻ sở hữu các tư liệu sản xuất đó, trong trường hợp người lao động nghỉ việc (lãn công, đình công, bãi công), có thể dùng đội quân dự trữ (là những lao động thất nghiệp), hoặc xấu nhất, thì vẫn sống tốt bằng vốn liếng đã có của mình, trong khi người lao động không thể nghỉ việc quá lâu, “tay quay miệng trễ” ngay. Kiểu gì thì nhà tư bản vẫn lạm dụng “vị thế có của” của mình để giành lấy phần lớn nhất có thể từ giá trị được tạo ra. Vậy là bóc lột vẫn cứ hoành hành.

Thứ hai, khi phương thức sản xuất xã hội chủ nghĩa thắng lợi, thì còn có thể xác định khách quan hơn phần sản phẩm xã hội tổng thể được dùng để thỏa mãn các nhu cầu chung của xã hội, và phần được phân phối theo lao động có tính đến độ dài thời gian, cường độ, và chủ yếu là độ phức tạp của chính lao động.

Những nhận xét nêu trên giúp hé lộ ra nhiều điểm có ý nghĩa đối với học thuyết giá trị thặng dư. Mác đã gọi tập 4 của *Tư bản* là *Học thuyết giá trị thặng dư*. Do vậy sự tồn tại của sản phẩm thặng dư và giá trị thặng dư đối với Mác là không thể tranh cãi, hay Mác thẳng thắn thừa nhận sự tồn tại của chúng.

Trong thời gian lao động, người công nhân tạo ra không chỉ giá trị cần thiết cho sự tồn tại sức lao động của mình, của năng lực lao động ở nghĩa thông thường (bao gồm cả tồn tại của giống loài mình, của giai cấp những người sản xuất), mà cả phần giá trị thặng dư bị người sở hữu tư liệu sản xuất trực tiếp tước đoạt.

Nếu những suy ngẫm mang tính phê phán nêu trên (không chỉ lao động, mà các yếu tố khác của sản xuất cũng tham gia tạo thành nguồn gốc của giá trị) là đúng, thì ngoài lao động sống là nguồn gốc chủ yếu của phần giá trị thặng dư, còn phải kể thêm vào đây các phương tiện được sử dụng trong quá trình sản xuất ra nó, và các yếu tố khác đã được nhắc tới ở trên.

Và do vậy, không phải toàn bộ giá trị thặng dư đều thuộc về người chủ sở hữu phương tiện sản xuất (Mác gián tiếp nhắc nhở điều này khi ông hoạch định sự phân phối sản phẩm xã hội tổng thể ở giai đoạn đầu của xã hội cộng sản chủ nghĩa). Một phần của nó, dưới dạng thuế khóa, sẽ được chi dùng để thỏa mãn các nhu cầu chung

của xã hội⁴. Một phần nữa, trực tiếp hay gián tiếp, phải dành để trả cho những yếu tố vốn có thể coi là các nguồn bổ sung thêm cho giá trị được tạo ra (như địa tô, lợi tức từ các khoản vay ngân hàng). Phần nữa buộc phải dành để mở rộng (phát triển) sản xuất nhằm cạnh tranh hiệu quả hơn. Một phần phải để dành vào quỹ bảo hiểm hay dự trữ. Một phần chi phí cho quản lý sản xuất, nếu nhà tư bản không trực tiếp là doanh nhân; đây là phần trả cho lao động quản lý phức tạp (mà sự cần thiết của nó đã được Mác ghi nhận và xem xét trong *Tư bản*)⁵. Và không thể quên phần dành cho tiêu dùng cá nhân của chủ sở hữu và của gia đình người chủ đó và cho mọi sự tích trữ của họ. Vậy là có ít nhất đến sáu phần.

Mối tương quan giữa tiền công lao động (của sức lao động) và giá trị thặng dư phụ thuộc đáng kể vào cuộc đấu tranh giữa hai giai cấp cơ bản, điều đó cũng ảnh hưởng tới đại lượng giá trị thặng dư. Tóm lại, tương quan giữa lao động cần thiết và lao động thặng dư, giữa giá trị phải trả cho sức lao động và giá trị thặng dư không hề đơn giản như vẫn thường nghĩ, do vậy ở trên mới nói, sự xác định “phần hợp pháp” của lợi nhuận là rất khó khăn. Điều này ngay ở Việt Nam hiện nay cũng thể hiện rất rõ qua các vòng thương thảo đàm phán kéo dài về tỷ lệ tăng lương cơ bản cho người lao động trong năm tiếp theo giữa Tổng liên đoàn Lao động Việt Nam và đại diện Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam.

9. Kết luận

Sự phát triển tiếp theo của học thuyết giá trị lao động, sự khắc phục tính phiến diện của nó, sự mở rộng và làm sâu sắc nó, được

chúng tôi hình dung tương tự như là sự khái quát hóa bức tranh vật lý khi chuyển từ vật lý cổ điển Newton sang vật lý lượng tử tương đối tính của A.Einstein, N.Bohr, L. De Broglie. Cho đến tận khi trong thực tiễn vẫn chỉ có các vật thể khá lớn và vận tốc khá nhỏ thì cơ học cổ điển vẫn còn thích hợp với nó, bởi cơ học này xuất phát từ sự độc lập của không gian - thời gian và vật chất, của khối lượng và vận tốc chuyển động, từ nguyên tắc tương tác xa. Khi vật lý học mở rộng cuốn vào nó thế giới các hạt vi mô với vận tốc lớn như vận tốc ánh sáng, thì sẽ cần khái quát để xây dựng lý thuyết mới mà lý thuyết trước đây trở thành trường hợp riêng của nó.

Học thuyết giá trị lao động, như đã được A.Xmit và Ricacđô gây dựng và như đã được Mác luận chứng ở khởi đầu của việc xây dựng kinh tế học chính trị mới của ông trong *Tư bản*, đã chịu sự ảnh hưởng của thời kỳ lịch sử hình thành phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa. Cùng với sự gia tăng vai trò của phương tiện sản xuất với tư cách là tư bản bất biến, vai trò của sản xuất tinh thần trong tổng sản xuất xã hội, của lực lượng sản xuất khoa học, cùng với sự phát triển của sản xuất cơ giới và sự tự động hóa đầu tiên trên cơ sở của sản xuất đó, cùng với sự phát triển của các hình thức sở hữu cổ phần hóa, và nhiều những biến đổi về chất nữa của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, thì càng cần thiết phải phát triển tiếp học thuyết giá trị thặng dư. Và như đã phân tích ở trên, chúng ta thấy trong di sản lý luận của Mác đã lấp ló những tiền đề cho sự khái quát hóa và phát triển tất yếu đó từ lý thuyết khởi thủy ban đầu. Mác đã sử dụng học thuyết giá trị lao động để lý giải cơ chế bóc lột, để luận chứng cho học thuyết giá trị thặng dư. Sự khái quát hóa hơn học thuyết giá trị lao động không hề

phủ nhận học thuyết giá trị thặng dư, mà còn chứng minh nó toàn diện hơn. Dĩ nhiên, các lập luận trên đây đều giả định sự vận hành “bình thường”, “văn minh” của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa với chế độ lương bổng theo đúng giá trị sức lao động, chứ không có kiểu tích lũy ban đầu đầy tội ác, không có lối tước đoạt sở hữu theo lối mờ ám thân hữu, không có chuyện đoạt chiếm rẻ rúng tài nguyên thiên nhiên vốn thuộc về toàn xã hội. Nghĩa là cũng giả định xem xét chủ nghĩa tư bản dưới “dạng thuần túy” nhất.

Chú thích

² Học thuyết giá trị về lao động là học thuyết giá trị lao động. Theo *Wikipedia Tiếng Việt*: “Học thuyết giá trị lao động là một trong những học thuyết kinh tế về giá trị. Theo học thuyết này, giá trị của hàng hóa là do lượng lao động cần thiết để sản xuất ra hàng hóa đó quyết định. Người đặt nền móng đầu tiên cho học thuyết này là William Petty và John Locke. Adam Smith và David Ricardo là những người có đóng góp lớn cho học thuyết giá trị lao động” [8].

³ Theo chúng tôi, sở dĩ có tranh luận này là do không hiểu mối tương quan lịch sử - logic (quy luật “di truyền sinh học” đặc thù của sự nghiên cứu và trình bày), cái trừu tượng và cái cụ thể trong phương pháp luận biện chứng của Mác nghiên cứu phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa.

⁴ Trong các xã hội tiền tư bản chủ nghĩa sản phẩm thặng dư được bòn rút dưới dạng vật cống nạp, làm trả nợ không công, sưu cao.

⁵ Nghiên cứu vai trò của các nhà quản lý là cực kỳ quan trọng. Cần chú ý đến tư tưởng của Ăngghen về “công nhân quý tộc” và tư tưởng sâu sắc của Mác trong tác phẩm *Phê phán triết học pháp quyền Hegel* về ý muốn của giới quý tộc biến nhà nước thành sở hữu riêng của mình. Vì các viên quản trị, những công chức trong lĩnh vực kinh tế, cũng như các viên quan liêu ở địa bàn thượng tầng chính trị, cũng cố biến sở hữu mà mình có trách nhiệm quản lý thành sở hữu tư của mình. Và ở mức họ thực sự đạt được, họ thể hiện không chỉ như những kẻ làm thuê chuyên nghiệp, mà thực tế còn như những kẻ đồng sở hữu phương tiện sản xuất

Tài liệu tham khảo

- [1] C.Mác và Ph.Ăngghen (1995), *Toàn tập*, t.1, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [2] C.Mác và Ph.Ăngghen (1993), *Toàn tập*, t.13, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [3] C.Mác và Ph.Ăngghen (1994), *Toàn tập*, t.17, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [4] C.Mác và Ph.Ăngghen (1995), *Toàn tập*, t.19, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [5] C.Mác và Ph.Ăngghen (2002), *Toàn tập*, t.23, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [6] C.Mác và Ph.Ăngghen (2002), *Toàn tập*, t.25, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [7] C.Mác và Ph.Ăngghen (2000), *Toàn tập*, t.46, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [8] https://vi.wikipedia.org/wiki/H%E1%BB%8Dc_thuy%E1%BA%BFt_gi%C3%A1_tr%E1%BB%8B_lao_%C4%91%E1%BB%99ng, truy cập ngày 10/10/2018.